

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Tên chương trình** : Đào tạo cử nhân Việt Nam học  
**Trình độ đào tạo** : Đại học  
**Ngành đào tạo** : Việt Nam học (Vietnamese studies)  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Việt Nam học nhằm mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện, có tính hệ thống, hiện đại và thiết thực về đất nước, con người Việt Nam thông qua những hiểu biết về văn học, địa lý, lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ, kinh tế, phong tục tập quán, tín ngưỡng...của Việt Nam trong mối tương quan với khu vực và trên thế giới.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Khơi dậy trong sinh viên lòng yêu Tổ quốc, niềm tự hào dân tộc và có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp và cao quý của bản sắc văn hoá Việt Nam.

##### 1.2.2. Về kiến thức

Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực về Việt Nam học, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đi sâu nghiên cứu và giảng dạy về Việt Nam học; hoặc có thể làm việc trong ngành du lịch; hoặc làm việc ở các cơ quan văn hoá cấp tỉnh, huyện, cơ quan ngoại giao, báo chí, xuất bản, các tổ chức xã hội, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong và ngoài nước Việt Nam .

Chương trình cũng nhằm bồi dưỡng và nâng cao trình độ tiếng Việt và hiểu biết về đất nước Việt Nam cho những người gốc Việt ở nước ngoài và sinh viên nước ngoài theo học ngành Việt Nam học.

##### 1.2.3. Về kỹ năng

Giúp sinh viên tự trang bị những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về quản lý văn hoá, nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ báo chí, phương pháp nghiên cứu... để có thể nghiên cứu, giảng dạy bộ môn Việt Nam học cũng như làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn.

### 2. Thời gian đào tạo: 4 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 6. Thang điểm

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 7. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT TL	TH	Tự học	
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)</b>			<b>45</b>					
<b>7.1.1. Kiến thức GDĐC bắt buộc</b>			<b>39</b>					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	45			90	
5	NN1302	Tiếng Anh (2)	2	30			60	4
6	NN1203	Tiếng Anh (3)	2	30			60	5
7	TC1007	Giáo dục thể chất	150t					
8	QP1008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165t					
9	TI1201	Tin học cơ sở	2	15		15	60	
10	VN1301	Hán Nôm I	3	35	5	5	90	
11	VN1202	Hán Nôm II	2	20	5	5	60	
12	ĐL1227	Môi trường và phát triển	2	25	4	1	60	
13	LC1206	Thống kê xã hội	2	28	1	1	60	
14	LC1214	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	20	9	1	60	1
15	VN1303	Đại cương văn hoá phương Đông	3	40	4	1	90	
16	VN1204	Văn hoá Việt Nam trong Đông Nam Á	2	20	7	3	60	
17	VN1205	Lịch sử - Văn hoá - Con người Hà Nội	2	20	8	2	60	
18	VN1206	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	20	2	8	60	
<b>7.1.2 Kiến thức GDĐC tự chọn</b> (Chọn 3 trong 6 học phần)			<b>6</b>					
19	NN1208	Tiếng Anh du lịch	2*	20		10	60	6
20	VN1207	Hán Nôm chuyên ngành Việt Nam	2*	20	5	5	60	11

		học						
21	NN1209	Tiếng Anh chuyên ngành Việt Nam học	2*	20	5	5	60	6
22	VN1208	Trang phục Việt Nam qua các thời kỳ	2*	20	6	4	60	
23	VN1209	Mỹ học đại cương	2*	20	5	5	60	1
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>90</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>24</b>					
24	VN2210	Nhập môn khu vực học	2	20	5	5	60	
25	LC2205	Xã hội học đại cương	2	20	5	5	60	1
26	LS2304	Lịch sử văn minh thế giới 2	3	35	8	2	90	
27	VN2211	Lịch sử - Văn hoá Phú Thọ	2	20	7	3	60	
28	VN2212	Địa lý du lịch Phú Thọ	2	20	5	5	60	
29	VN2213	Lịch sử ngoại giao, Lịch sử quân sự Việt Nam	3	35	7	3	90	
30	VN2214	Gia đình - Dòng họ - Làng xã Việt Nam	2	20	8	2	60	
31	VN 2215	Rèn luyện kỹ năng văn hoá	2	20	5	5	60	
32	VN2116	Thực tế văn hoá, văn học dân gian	1		5	10	30	36
33	VN2117	Thực tế lịch sử, địa lý và du lịch văn hoá Việt Nam	1		5	10	30	
34	VN2218	Các dân tộc ở Việt Nam	2	25	3	2	60	
35	VN2219	Cơ sở ngôn ngữ học	2	35	7	3	60	
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>51</b>					
<b>a) Kiến thức ngành bắt buộc</b>			<b>45</b>					
36	VN2320	Văn học dân gian Việt Nam	3	35	7	3	90	
37	VN2321	Cơ sở văn hoá Việt Nam 2	3	35	8	2	90	
38	VN2322	Lịch sử văn học Việt Nam 1	3	40	3	2	90	
39	VN2223	Lịch sử văn học Việt Nam 2	2	20	8	2	60	
40	VN2324	Lịch sử văn học Việt Nam 3	3	30	10	5	90	
41	VN2325	Văn học thế giới 1	3	35	7	3	90	
42	VN2326	Văn học thế giới 2	3	35	8	2	90	
43	VN2327	Ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt	3	35	6	4	90	
44	VN2228	Tiếng Việt thực hành và hoạt động giao tiếp	2	20	3	7	60	
45	VN2229	Ngôn ngữ học đối chiếu 1	2	20	5	5	60	
46	VN2230	Lịch sử Việt Nam 1	2	20	8	2	60	
47	VN2231	Lịch sử Việt Nam 2	2	20	8	2	60	
48	VN2232	Lịch sử Việt Nam 3	2	20	8	2	60	
49	VN2233	Kinh tế Việt Nam	2	20	5	5	60	
50	LC2218	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	20	5	5	60	
51	VN2234	Địa lí Việt Nam 1	2	20	5	5	60	
52	VN2235	Địa lí Việt Nam 2	2	20	5	5	60	

53	VN2236	Tổng quan về du lịch Việt Nam	2	20	7	3	60	
54	VN2237	Du lịch văn hoá Việt Nam	2	20	7	3	60	
<b>b) Kiến thức ngành tự chọn</b> (Chọn 3 trong 5 học phần)			<b>6</b>					
55	VN2238	Nghiệp vụ Du lịch 1	2*	15	7	8	60	
56	VN2239	Nghiệp vụ Du lịch 2	2*	15	7	8	60	
57	VN2240	Phong tục, tập quán và tôn giáo, tín ngưỡng dân tộc	2*	20	8	2	60	
58	VN2241	Nghệ thuật học và âm nhạc, dân ca, dân vũ Việt Nam	2*	20	8	2	60	
59	VN2242	Nghệ thuật học và nghệ thuật Hội hoạ, tạo hình Việt Nam	2*	20	8	2	60	
<b>7.2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>15</b>					
60	VN2343	Thực tập 1	3					
61	VN2544	Thực tập 2	5					
62	VN2745	Khóa luận tốt nghiệp	7					
<b>Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp</b> (tự chọn 1 trong 2 phần sau)								
<b>Phần I:</b> Du lịch học *								
63	VN2446	Đại cương về du lịch	4	35	10	5	120	
64	VN2347	Nghiệp vụ du lịch 3	3	25	5	20	90	
<b>Phần II:</b> Lịch sử văn hoá – văn minh Việt Nam và khoa học quản lý văn hoá*								
65	VN2448	Lịch sử văn hoá – văn minh Việt Nam	4	35	10	5	120	
66	VN2349	Chính sách văn hoá và khoa học quản lý văn hoá Việt Nam hiện đại	3	25	5	20	90	
67	VN2150	<b>Rèn luyện Nghiệp vụ Việt Nam học thường xuyên</b>	<b>15</b>					<b>buổi</b>
<b>Cộng:</b>			<b>135</b>					

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**PSG.TS Cao Văn**